

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Quảng Trị
giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức UBND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về
khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính
phủ Phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công
Thương về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số
45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014
của liên Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử
dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh
Quảng Trị về việc ban hành chỉnh sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng
Trị;

Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND
tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn
tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1188/TT-SCT ngày
30/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn
2016 - 2020 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên
quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm
tra việc triển khai thực hiện.

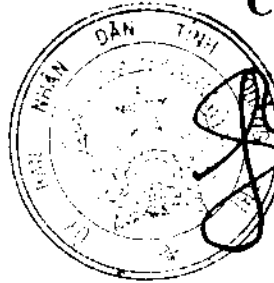
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ *Phó*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Khuyến công và XTTM tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

Nguyễn Đức Chính



CHƯƠNG TRÌNH
KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Quyết định số **2357/QĐ-UBND** ngày **23** tháng 12 năm 2015
của UBND tỉnh Quảng Trị)

Phần thứ nhất:

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Qua 5 năm triển khai thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 (phê duyệt tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của UBND tỉnh) đã được một số kết quả như sau:

1. Hoạt động khuyến công quốc gia trên địa bàn tỉnh

Chương trình khuyến công quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã hỗ trợ lập quy hoạch 01 CCN; đào tạo các nghề may công nghiệp, chế biến hấp sấy cá mực và sản xuất nước mắm cho 300 lao động; xây dựng 03 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất bột cá, cá khô, sản xuất viên nén năng lượng từ gỗ rừng trồng, sản xuất gạch không nung; hỗ trợ 01 đề án ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến sản xuất chả cá.

2. Hoạt động khuyến công địa phương

2.1. Hoạt động khuyến công tỉnh

- *Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề*

Hỗ trợ 07 đề án đào tạo nghề cho 465 lao động nông thôn tại các cơ sở, doanh nghiệp CNNT, HTX về mộc mỹ nghệ, thêu ren, sản xuất ván ghép thanh, đồ gỗ nội thất, may công nghiệp, chế biến thủy sản, làm chổi đót...

- *Chương trình nâng cao năng lực quản lý cho doanh nghiệp, cơ sở CNNT*

+ Tổ chức 03 hội thảo chuyên đề: “Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển ngành cơ khí tinh Quảng Trị giai đoạn 2011 - 2015”, “Củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề TTCN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020” và “Những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho sự phát triển bền vững các doanh nghiệp Quảng Trị trong thời kỳ mới”.

+ Tổ chức 03 lớp tập huấn cho 150 người là cán bộ quản lý các doanh nghiệp, cơ sở CNNT, người lao động theo chuyên đề “Nâng cao khả năng ứng

dụng Internet trong hoạt động sản xuất kinh doanh”, “Phổ biến kiến thức SXSH trong công nghiệp”, “Tập huấn kiến thức vệ sinh ATTP cho các hộ tại làng nghề”.

+ Xây dựng 02 đề án quy hoạch ngành về “Củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề TTCN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020” và “Quy hoạch phát triển ngành cơ khí tinh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến 2025”.

- *Chương trình xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật.*

+ Hỗ trợ xây dựng 08 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới.

+ Hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất đối với 56 đề án.

- *Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu*

+ Tổ chức 02 lần bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh. Kết quả có 40 sản phẩm được công nhận là sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, 06 sản phẩm được công nhận cấp khu vực miền Trung - Tây Nguyên, 02 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia năm 2015.

+ Hỗ trợ 13 cơ sở CCNT về thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, đăng ký nhãn mác, xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm truyền thống, chủ yếu của tỉnh.

+ Tổ chức 05 đoàn tham gia các hội chợ do Cục Công nghiệp địa phương tổ chức luân phiên tại các tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên; Hỗ trợ trên 200 lượt cơ sở, doanh nghiệp CNNT tham gia các hội chợ trong nước; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm quốc tế ngành công nghiệp Việt Nam - Campuchia tại Phnôm Pênh, Campuchia và Hội chợ Việt - Lào.

- *Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin*

Thực hiện và phát sóng 60 chuyên mục *Trang Công Thương Quảng Trị*; 01 phóng sự 10 năm khuyến công, chương trình “Gặp gỡ - đối thoại”; Biên tập và phát hành 20 số *Bản tin/Đặc san Công Thương Quảng Trị* (04 số/năm); Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử khuyến công.

- *Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp*

+ Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 03 CCN: Hải Thượng, Đakrông, Hải Lệ.

+ Tổ chức được 03 đoàn khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu các mô hình sản xuất cho các cơ sở CNNT và cán bộ quản lý ngành công thương

+ Hỗ trợ 04 đơn vị di dời nhà máy trong khu dân cư vào cụm công nghiệp.

- Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công.

+ Xây dựng dự thảo Nghị quyết về khuyến công và Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp khuyến công trên địa bàn tỉnh và đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành.

+ Tổ chức 04 lớp tập huấn nghiệp vụ cho hơn 150 người là cán bộ phụ trách công tác khuyến công cấp huyện, các đơn vị phối hợp, cán bộ quản lý của các cơ sở CNNT, doanh nghiệp, HTX...

- Chương trình Sản xuất sạch hơn

Tổ chức tập huấn về kiến thức SXSH và giới thiệu các mô hình điển hình áp dụng cho 40 cán bộ Phòng Kinh tế - Hạ tầng và các doanh nghiệp nhằm nâng cao kiến thức áp dụng vào hoạt động sản xuất. Tổ chức đánh giá nhanh SXSH tại 02 nhà máy sản xuất công nghiệp. Hỗ trợ áp dụng SXSH trong đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại, chính xác tại 01 nhà máy sản xuất gia công cơ khí.

2.2. Hoạt động khuyến công huyện

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố đều bố trí 02 cán bộ làm công tác khuyến công.

- Hỗ trợ 98 đề án xây dựng mô hình trình diễn, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất; Thực hiện 16 đề án phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn, tham gia hội chợ trong nước; Tổ chức thực hiện 15 đề án học tập kinh nghiệm, quy hoạch và xây dựng cụm - điểm công nghiệp và làng nghề...

3. Nguồn kinh phí đã thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015

- Tổng kinh phí khuyến công thực hiện: 12.780.400.000 đồng, thể hiện qua các năm và nguồn vốn như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Nguồn kinh phí	2011	2012	2013	2014	Ước 2015	Tổng g.đoạn 2011 - 2015
Tổng kinh phí	2.510,3	2.563,5	2.222,4	2.876,1	2.608,1	12.780,4
<i>Trong đó:</i>						
- Khuyến công Quốc gia	210,0	463,0	198,0	500,0	319,0	1.690,0
- Khuyến công tỉnh	1.240,9	1.315,0	1.362,5	1.454,0	1453,8	6.826,2
- Khuyến công cấp huyện	1.059,4	785,5	661,9	922,1	835,3	4.264,2

* Ghi chú: Chỉ tính cho nội dung chi sự nghiệp khuyến công, không bao gồm chi hoạt động bộ máy; Riêng huyện Hướng Hóa chưa bố trí kinh phí khuyến công hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015.

- Đánh giá, so sánh kinh phí đã thực hiện so với Chương trình khuyến công tỉnh giai đoạn 2011 - 2015:

- Với những thay đổi về chính sách khuyến công từ Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND về Chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là rất kịp thời và phù hợp với tình hình phát triển công nghiệp, hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn về khuyến công của địa phương từng bước được hoàn thiện. Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công được tăng cường và dần đi vào nề nếp.

- Mặc dù ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn nhưng hàng năm vẫn bố trí kinh phí khuyến công cơ bản đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ của các cơ sở CNTT và đảm bảo theo Chương trình khuyến công giai đoạn 2011 - 2015 đề ra.

- Một số nội dung của Chương trình cơ bản đạt (xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất, chương trình phát triển sản phẩm CNTT tiêu biểu, chương trình cung cấp thông tin, quy hoạch CNTT...).

1. Những mặt được

II. BÀN GIA KẾT QUẢ THỰC HIỆN

tình vượt chỉ tiêu Chương trình.

- Năm 2014 và 2015, áp dụng theo cơ chế chính sách mới (Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012, Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014...) nên kinh phí hỗ trợ khuyến công từ ngân sách

* Ghi chú: - Chương trình khuyến công giai đoạn 2011 - 2015 chỉ đưa ra 2 nguồn kinh phí gồm KCCG và khuyến công tỉnh, không đưa vào nguồn kinh phí khuyến công các huyện, thị xã, thành phố;

Năm	Khuyến công quốc gia		Khuyến công tỉnh		Tổng kinh phí theo năm	
	Theo chương trình được bố trí	KP được bố trí	Đạt (%)	Theo chương trình	KP được bố trí	Đạt (%)
2011	630	210	33,3	1.300	1.240,9	95,5
2012	2.680	463	17,2	1.397	1.315,0	94,1
2013	2.720	198	7,2	1.399	1.362,5	97,4
2014	1.720	500	29,1	1.394	1.454,0	104,3
Ước 2015	2.375	319	13,4	1.384	1.453,8	105,0
Tổng g.đoạn 2011 - 2015	10.125	1.690	16,7	6.874	6.826,2	99,3

DVT: Triệu đồng

- Đã góp phần tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh đạt 7,4%/năm, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 8,8%/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 35,5% năm 2010 lên 37,9% năm 2015. Số lượng cơ sở CNNT cũng tăng đáng kể.

- Đã xây dựng được nhiều mô hình phát triển CNNT tiêu biểu, làm điển hình nhân rộng và có sức lan tỏa lớn trong phát triển công nghiệp địa phương. Thông qua chính sách khuyến công đã khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở CNNT, huy động vốn đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nhiều ngành nghề truyền thống đã được khôi phục và phát triển và công nhận; nhiều sản phẩm đã được các doanh nghiệp quan tâm đăng ký chất lượng, thiết kế bao bì nhãn hiệu, đăng ký thương hiệu và chú trọng tăng cường quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên thị trường.

- Thông qua Chương trình khuyến công, với một phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đã khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư trên 136 tỷ đồng phát triển CNNT.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Nguồn kinh phí khuyến công địa phương hàng năm đã được bố trí đủ trong khi nguồn vốn khuyến công quốc gia chưa thu hút được nhiều, chủ yếu do yêu cầu về quy mô dự án, điều kiện hỗ trợ và tính liên kết vùng đối với các đề án KCQG là rất lớn, đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp chưa được hỗ trợ.

- Công tác xây dựng thương hiệu sản phẩm, nâng cao nghiệp vụ quản trị kinh doanh, chế biến sâu nông sản, thủy sản và phát triển các sản phẩm mới... chưa được các cơ sở, doanh nghiệp CNNT trên địa bàn tỉnh quan tâm.

- Công tác du nhập và phát triển nghề TTCN còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao. Một số nội dung trong Chương trình đề ra triển khai đạt tỷ lệ thấp (liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế; đào tạo nghề; đầu tư hạ tầng CCN...).

2.2. Nguyên nhân

- Sự suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng đến việc đầu tư phát triển sản xuất của các cơ sở công nghiệp. Sự sụt giảm đầu tư phát triển sản xuất của các doanh nghiệp kéo theo nhu cầu hỗ trợ khuyến công cũng hạn chế.

- Quy mô các cơ sở công nghiệp của địa phương đa phần là nhỏ và siêu nhỏ, các đề án khuyến công cũng nhỏ lẻ, chưa đáp ứng các tiêu chí của khuyến công quốc gia nên việc thu hút nguồn vốn này còn nhiều hạn chế.

- Môi trường đầu tư của tỉnh chưa thực sự hấp dẫn; cơ sở hạ tầng phát triển chưa đồng bộ; quy mô thị trường nhỏ; kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm, điểm công nghiệp làng nghề còn nhiều hạn chế... đã ảnh hưởng đến tình hình thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp nói chung và công tác khuyến công nói riêng.

- Ngoài chính sách khuyến công các ngành cũng có ban hành một số chính sách khác (như đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, khoa học công nghệ, tín dụng, đào tạo nghề... cũng có trong nội dung khuyến công), có cơ chế và kênh tổ chức thực hiện riêng nên việc lồng ghép phối hợp khó đồng bộ.

- Công tác du nhập và phát triển nghề còn hạn chế, một nguyên nhân căn bản là do có rất ít doanh nghiệp đứng ra làm đầu mối hỗ trợ sản xuất và bao tiêu sản phẩm nên một số nghề đã được đào tạo nhưng không nhân rộng ra được. Mặt khác, công tác đào tạo nghề cho lao động chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành nên hiệu quả chưa cao.

Phần thứ hai:

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - TTCN một cách bền vững, gắn chế biến với phát triển vùng nguyên liệu, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng CN - dịch vụ.

- Khai thác tiềm năng lợi thế của tỉnh, nâng cao giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản, tạo việc làm, tăng thu nhập và góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ, SXSH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, giảm thiểu phát thải góp phần bảo vệ môi trường.

- Góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh của các cơ sở CNNT trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số chuyên ngành, lĩnh vực, có khả năng đáp ứng cơ bản các yêu cầu phát triển của nền kinh tế và xuất khẩu.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể

Phấn đấu đưa hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh góp phần thực hiện các chỉ tiêu sau:

- Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế GRDP của tỉnh đến năm 2020 chiếm 40,5%;

- Góp phần tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,5 - 11%/năm;

- Năng suất lao động công nghiệp đến năm 2020 là 150 triệu đồng/người/năm;

- Tạo việc làm bình quân trong ngành công nghiệp đến năm 2020 khoảng 4.440 lao động/năm;

- Phần đầu thu hút nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn để thực hiện các đề án khuyến công giai đoạn 2016 - 2020 đạt 125 tỷ đồng.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGÀNH NGHỀ ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 và các ngành, nghề quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; các nội dung hoạt động khuyến công và các ngành, nghề quy định tại Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn, viết tắt CNNT).

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công.

3. Ngành, nghề áp dụng

Tổ chức, cá nhân sau đây đầu tư sản xuất công nghiệp - TTCN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được tham gia vào chương trình khuyến công:

a) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

b) Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

c) Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ sản xuất gạch đất sét nung).

d) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, linh kiện; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

đ) Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

e) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Chương trình khởi sự, thành lập và nâng cao năng lực cơ sở CNNT

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT trong hoạt động tư vấn lập dự án đầu tư, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT thuê tư vấn quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực - marketing; tư vấn công nghệ - thiết bị mới; tư vấn, hướng dẫn về chính sách đất đai, chính sách ưu đãi đầu tư, khoa học công nghệ, tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

- Tổ chức các lớp đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp cho các cơ sở, doanh nghiệp CNNT.

- Hỗ trợ để thành lập hội, chi hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh.

- Hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

2. Chương trình xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và phát triển sản phẩm mới.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật đối với các cơ sở CNNT ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất hay sản xuất sản phẩm mới.

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT nhận chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất tiên tiến; đổi mới, ứng dụng máy móc, thiết bị hiện đại (so với máy móc thiết bị cơ sở CNNT đang sử dụng) vào hoạt động sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc tạo ra sản phẩm mới.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả hoàn thiện quy trình và tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập.

3. Chương trình đào tạo nghề cho các cơ sở CNNT

- Hỗ trợ đào tạo nghề tại chỗ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gắn với việc sử dụng lao động sau đào tạo.

- Hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp CNNT gửi lao động đi đào tạo tại các tỉnh, thành trong nước.

- Hỗ trợ các nghề nhân mở các lớp dạy nghề, truyền nghề cho lao động địa phương.

4. Chương trình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

- Hỗ trợ tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn và áp dụng kỹ thuật sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Tổ chức tập huấn, hội thảo, tuyên truyền, phát hành các tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm nhằm nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

5. Chương trình phát triển sản phẩm CNNT, bảo hộ thương hiệu, kiểu dáng công nghiệp và thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT thuê tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu; xây dựng, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm.

- Tổ chức, tham gia hoặc hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở CNNT tham gia các hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài.

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT, các tổ chức dịch vụ khuyến công đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, sản phẩm CNNT gắn với du lịch và các trung tâm thương mại.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp của tỉnh theo định kỳ.

6. Chương trình phát triển cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề.

- Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư di dời vào các khu, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề.

- Đối với nguồn vốn KCQG, ngoài các nội dung trên thì đề nghị hỗ trợ địa phương trong việc đầu tư kết cấu hạ tầng và xử lý nước thải các cụm công nghiệp.

7. Chương trình cung cấp thông tin chính sách, thị trường, phổ biến kinh nghiệm sản xuất...

Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp; trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu về hoạt động khuyến công, ngành công thương.

8. Chương trình nâng cao năng lực quản lý, thực hiện hoạt động khuyến công và khen thưởng

- Xây dựng các chương trình, đề án, quản lý chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các đề án khuyến công.

- Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

- Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về hoạt động khuyến công; tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá, tổng kết hoạt động khuyến công.

- Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho công tác khuyến công.

- Tổ chức đánh giá và đề nghị khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến: **25.742 triệu đồng**. Trong đó:

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ thực hiện các đề án trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là: 7.450 triệu đồng;

- Nguồn kinh phí sử dụng ngân sách địa phương là: 18.292 triệu đồng, gồm:

+ Kinh phí khuyến công tỉnh: 11.890 triệu đồng;

+ Kinh phí khuyến công cấp huyện: 6.402 triệu đồng.

(Có các Phụ lục tổng hợp các nguồn vốn khuyến công và chi tiết các nội dung hỗ trợ kèm theo).

V. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện

1.1. Về công tác chỉ đạo, quản lý

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp, các ngành và của nhân dân đối với việc thực hiện chính sách khuyến công.

- Kiện toàn tổ chức (bộ máy, nhân sự) đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về khuyến công (tỉnh, huyện). Bổ sung đủ biên chế và nâng cao trình độ cán bộ khuyến công trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Tùy theo điều kiện của từng địa phương, xây dựng lực lượng công tác viên khuyến công có tâm huyết, nhiệt tình ở cấp cơ sở.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

- Tăng cường công tác phối hợp trong các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước cho các doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước và tránh trùng lặp các nội dung hỗ trợ trên một đơn vị.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương chính sách của nhà nước để người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển công nghiệp ở nông thôn; vận động các doanh nghiệp lớn hỗ trợ cho hoạt động khuyến công và động viên doanh nhân tích cực tham gia hoạt động khuyến công.

1.2. Về huy động nguồn vốn khuyến công

- Tùy vào điều kiện ngân sách của địa phương, HĐND, UBND các cấp bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương để bảo đảm tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công theo quy định.

- Kinh phí khuyến công từ ngân sách địa phương được quản lý thống nhất và quy định rõ quyền lợi và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng vốn

khuyến công.

- Để thu hút đóng góp nguồn vốn cho hoạt động khuyến công, các cấp, các ngành huy động các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ nguồn vốn cho hoạt động khuyến công theo quy định của pháp luật.

- Tiếp cận tối đa kinh phí khuyến công Quốc gia cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

1.3. Về nâng cao hiệu quả thực hiện công tác khuyến công

- Tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các chương trình khuyến công, xem hoạt động khuyến công là một trong những biện pháp hiệu quả thực hiện mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn.

- Tăng cường công tác tập huấn, trao đổi thông tin, hướng dẫn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ khuyến công từ cấp tỉnh đến cấp huyện. Tăng cường công tác học tập kinh nghiệm công tác khuyến công các tỉnh, thành phố trong nước.

- Phối hợp chặt chẽ trong việc khảo sát, thực hiện hỗ trợ các đề án mang lại hiệu quả cao nhất. Tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc để hoàn thành các đề án đúng tiến độ, đúng mục đích.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động dịch vụ khuyến công theo quy định của pháp luật.

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời các địa phương, các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chương trình, đề án khuyến công.

1.4. Về thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp

- Hình thành môi trường hỗ trợ đầu tư thông thoáng, thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư từ cơ sở. Thúc đẩy cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục cấp phép đầu tư để khuyến khích mọi thành phần kinh tế và cá nhân tham gia đầu tư sản xuất công nghiệp.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách khuyến công bố trí đủ nguồn vốn đối ứng để triển khai thực hiện Chương trình.

- Ưu tiên hỗ trợ các đề án có suất đầu tư cao hơn trong cùng một nội dung nhằm thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn thực hiện Chương trình khuyến công.

- Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm và các đề án sử dụng kinh phí khuyến công của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng, tổ

chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm theo các nội dung Chương trình này.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án được giao với chi phí tiết kiệm nhưng đạt kết quả cao; tổ chức, điều hành hoạt động khuyến công cấp huyện.

- Thực hiện các chế độ báo cáo về tình hình thực hiện các đề án khuyến công theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng ngân sách, cân đối nguồn vốn khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm trình UBND tỉnh, HĐND xem xét, quyết định.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thẩm định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung chương trình.

2.3. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Xây dựng và phê duyệt chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn trên địa bàn mình để làm cơ sở chỉ đạo thực hiện. Tùy vào điều kiện ngân sách và nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương để bố trí kinh phí khuyến công trong kế hoạch ngân sách hàng năm của huyện, thành phố, thị xã.

- Đề xuất, bổ sung trình Sở Công Thương các chương trình, đề án khuyến công đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công tỉnh và quốc gia.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công tỉnh và quốc gia.

- Tổ chức hoạt động khuyến công cấp huyện tùy theo điều kiện từng địa phương và thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ về công tác khuyến công hàng năm với Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2.4. Các Sở, Ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình phối hợp, tuyên truyền, lồng ghép các chương trình, đề án được phân công phụ trách với hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả khuyến khích phát triển công nghiệp, TTCN, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

2.5. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại tỉnh

- Trực tiếp, phối hợp với các đơn vị kiểm tra các cơ sở CNNT đăng ký nội dung khuyến công. Hướng dẫn các hồ sơ thủ tục các cơ sở có nội dung phù hợp với các quy định hỗ trợ khuyến công để trình Hội đồng thẩm định. Trực tiếp ký hợp đồng các đề án được giao hỗ trợ và thanh toán kinh phí cho đơn vị thụ hưởng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.


- Phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ cho các cán bộ khuyến công cấp huyện, khuyến công viên.

- Thực hiện các chế độ báo cáo về hoạt động khuyến công theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu cho Sở Công Thương hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

2.6. Các cơ sở, tổ chức, cá nhân thụ hưởng: Cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký; có trách nhiệm quyết toán đúng quy định; báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến thực hiện đề án khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thanh tra, kiểm tra.

Trên đây là Chương trình khuyến công tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. *Đinh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

The image shows a circular official seal of the Provincial People's Committee. The seal contains the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN' at the top and 'BAN ANH HƯNG' at the bottom, with a star in the center. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Đức Chính

PHỤ LỤC 01
TỔNG HỢP KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ

GIẢI ĐOÀN 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1851/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015)

UBND tỉnh Quảng Trị

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giải đoàn 2016 - 2020
1	Khuyến công quốc gia	2.050	1.250	1.300	1.380	1.470	7.450
2	Khuyến công địa phương	3.046	3.342	3.647	4.044	4.213	18.292
2.1	Khuyến công tỉnh	1.981	2.172	2.370	2.628	2.739	11.890
2.2	Khuyến công huyện	1.065	1.170	1.277	1.416	1.474	6.402
Tổng cộng		5.096	4.592	4.947	5.424	5.683	25.742

Ghi chú: Kinh phí khuyến công địa phương được xây dựng trên cơ sở căn cứ Nghị quyết số 09/2014/NQ-UBND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị ban hành chỉnh sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CỘNG GIAI ĐOÀN 2016 - 2020

Phụ lục 02

Kiểm theo Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chương trình	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng giai đoạn 2016-2020													
		Tổng	QG	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tổng	QG	Tỉnh	Huyện										
1	Nâng cao năng lực quản lý DN	92	0	60	32	103	0	67	36	122	0	79	43	134	0	87	47	155	0	101	54	606	0	394	212
2	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng MMTB tiên tiến vào sản xuất	2.020	300	1.118	602	2.410	450	1.274	686	2.910	800	1.371	739	3.890	1.380	1.631	879	3.390	820	1.670	900	14.620	3.750	7.064	3.806
3	Tổ chức đào tạo nghề, tuyển nghề	100	0	65	35	100	0	65	35	320	200	78	42	120	0	78	42	370	250	78	42	1.010	450	364	196
4	Sản xuất sạch hơn trong CN	280	0	182	98	290	0	188	102	300	0	195	105	320	0	208	112	290	0	189	101	1.480	0	962	518
5	Phát triển sản CN-TTCN tiêu biểu	260	0	169	91	1.040	800	156	84	300	0	195	105	240	0	156	84	324	0	211	113	2.164	800	887	477
6	Phát triển cụm, điểm CN - làng nghề và di sản văn hóa phi vật thể	2.070	1.750	208	112	360	0	234	126	680	300	247	133	400	0	260	140	800	400	260	140	4.310	2.450	1.209	651
7	Cung cấp thông tin các CN, KC, thị trường...	164	0	107	57	164	0	107	57	180	0	117	63	180	0	117	63	184	0	120	64	872	0	568	304
8	Nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện HD KC và khen thưởng	110	0	72	38	125	0	81	44	135	0	88	47	140	0	91	49	170	0	110	60	680	0	442	238
Tổng cộng		5.096	2.050	1.981	1.065	4.592	1.250	2.172	1.170	4.947	1.300	2.370	1.277	5.424	1.380	2.628	1.416	5.683	1.470	2.739	1.474	25.742	7.450	11.890	6.402





Phụ lục 03

CHI TIẾT KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 2857 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng giai đoạn 2016 - 2020	
		Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí
1	<i>Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN</i>	1	300	2	450	3	800	4	1.380	2	820	12	3.750
1.1	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	1	300	1	300	2	650	3	1.200	2	820	9	3.270
1.2	Ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - TTCN và xử lý ô nhiễm môi trường	0	0	1	150	1	150	1	180	0	0	3	480
2	<i>Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở CNNT</i>	0	0	0	0	1	200	0	0	1	250	2	450
3	<i>Phát triển sản phẩm công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp tiêu biểu</i>	0	0	1	800	0	0	0	0	0	0	1	800
3.1	Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực miền Trung - Tây Nguyên	0	0	1	800	0	0	0	0	0	0	1	800
4	<i>Phát triển cụm, điểm CN - làng nghề và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường</i>	2	1.750	0	0	1	300	0	0	1	400	4	2.450
4.1	Lập quy hoạch chi tiết, cụm, điểm CN	1	250	0	0	1	300	0	0	1	400	3	950
4.2	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng CCN	1	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1.500
Tổng cộng		3	2.050	3	1.250	5	1.300	4	1.380	4	1.470	19	7.450



Phụ lục 04

CHI TIẾT KINH PHÍ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Kèm theo Quyết định số 2857 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng g.đoạn 2016 - 2020	
		Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí
1	Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp	5	92	5	103	6	122	6	134	7	155	29	606
1.1	Hỗ trợ tư vấn lập dự án đầu tư, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	1	7	1	8	2	12	2	14	2	15	8	56
1.2	Đào tạo, tập huấn khởi sự, doanh nghiệp; Hội thảo...	2	45	2	50	2	60	2	70	2	80	10	305
1.3	Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực, marketing, công nghệ, thiết bị mới; thành lập DN, hội, hiệp hội ngành nghề...	2	40	2	45	2	50	2	50	3	60	11	245
2	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN	30	1.720	33	1.960	40	2.110	42	2.510	43	2.570	188	10.870
2.1	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	4	600	4	700	5	750	5	850	5	900	23	3.800
2.2	Ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp và xử lý ô nhiễm môi trường	25	1.060	27	1.180	33	1.270	34	1.550	35	1.550	154	6.610
2.3	Phổ biến tuyên truyền, nhân rộng các cơ sở CNNT đang hoạt động có hiệu quả	1	60	2	80	2	90	3	110	3	120	11	460
3	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở CNNT	2	100	2	100	2	120	2	120	2	120	10	560

TT	Nội dung chi	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng g.đoạn 2016 - 2020	
		Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí
4	Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	6	280	6	290	6	300	6	320	6	290	30	1.480
4.1	Tư vấn, đánh giá SXSH cho các cơ sở CNNT	4	100	4	100	4	100	4	100	4	100	20	500
4.2	Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	1	140	1	150	1	160	1	180	1	150	5	780
4.3	Tuyên truyền về sản xuất sạch hơn (phát hành các tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm, phóng sự...)	1	40	1	40	1	40	1	40	1	40	5	200
5	Phát triển sản phẩm CN - TTCN tiêu biểu	8	260	9	240	9	300	8	240	9	324	43	1.364
5.1	Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu khu vực miền Trung - Tây Nguyên	1	50	1	60	1	70	1	70	1	70	5	320
5.2	Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước	2	20	2	20	2	20	2	20	2	20	10	100
5.3	Tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn mác; Xây dựng, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu hàng hoá, kiểu dáng ...	4	120	5	130	5	140	5	150	5	160	24	700
5.4	Hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu quảng sản phẩm của tỉnh	0	0	1	30	0	0	0	0	0	0	1	30
5.5	Tổ chức bình chọn SP CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	1	70	0	0	1	70	0	0	1	74	3	214
6	Phát triển cụm, điểm công nghiệp - làng nghề và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường	2	320	2	360	3	380	3	400	3	400	13	1.860
6.1	Lập quy hoạch chi tiết, cụm, điểm công nghiệp - làng nghề và hỗ trợ di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào cụm, điểm công nghiệp	2	320	2	360	3	380	3	400	3	400	13	1.860

TT	Nội dung chi	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng g.đoạn 2016 - 2020	
		Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí	Đề án	Kinh phí
7	<i>Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, SXSH trong công nghiệp...</i>	18	164	18	164	18	180	18	180	18	184	90	872
7.1	Chương trình truyền hình	12	72	12	72	12	84	12	84	12	84	60	396
7.2	Bản tin/Đặc san Công Thương	4	72	4	72	4	76	4	76	4	80	20	376
7.3	Tuyên truyền trên Báo Quảng Trị, báo công thương, Website khuyến công, cước phí vận hàng Internet.	2	20	2	20	2	20	2	20	2	20	10	100
8	<i>Nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công và khen thưởng</i>	3	110	3	125	3	135	3	140	4	170	16	680
8.1	Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ khuyến công; tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm...	2	90	2	100	2	110	2	110	2	120	10	530
8.2	Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công	1	20	1	25	1	25	1	30	1	30	5	130
8.3	Công tác khen thưởng về hoạt động khuyến công									1	20	1	20
Tổng cộng		74	3.046	78	3.342	87	3.647	88	4.044	92	4.213	419	18.292